TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 17-02-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị tính tình không hợp nhau, không hòa

thuận, anh P thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà và chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, anh chị sống bỏ mặc nhau, tự ai nấy lo, không quan tâm nhau. Vào ngày 18/01/2023 khi hòa giải tại Tòa án, anh P cũng hứa thay đổi nhưng về nhà anh P vẫn tiếp tục nhậu nhẹt, đá gà nên chị đã đi Thành phố Hồ Chí Minh làm từ ngày Mùng 9/01/2023 cho đến nay và anh chị chính thức sống ly thân từ thời gian này. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P do không còn tình cảm. Anh P đã hứa thay đổi nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, chị không còn lòng tin vào anh P nên chị không đồng ý hàn gắn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trịnh Phương V, sinh ngày 19/8/2014, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại bản khai đề ngày 18/01/2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất hoàn toàn phần trình bày của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc thì anh thừa nhận anh có nhậu nhẹt, đá gà dẫn đến nợ nần nhưng thời gian sau này anh có bớt. Vào ngày 18/01/2023 khi hòa giải ở Tòa án, anh có hứa sẽ thay đổi nhưng sau đó anh vẫn còn nhậu và đá gà, chỉ khi chị T bỏ nhà đi anh mới thay đổi. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Anh xin chị T tha thứ và cho anh cơ hội sửa đổi để anh chị hàn gắn đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trịnh Phương V, sinh ngày 19/8/2014, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, cháu V có nguyện vọng sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại Biên bản lấy ý kiến đề ngày 11/01/2023, cháu Nguyễn Trịnh Phương V trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại Biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị Thủy Tr về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Trịnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn P có nội dung như sau:

Bà là mẹ ruột của chị Trịnh Thị Thu T. Chị T và anh Nguyễn Văn P có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi đám cưới, chị

T và anh P sống bên gia đình của chị T, sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh P cờ bạc, đá gà dẫn đến nợ nần, thường xuyên nhậu nhẹt. Bà đã nhiều lần khuyên anh P nhưng anh P vẫn không thay đổi, anh P nói anh P tự gây nợ tự trả nợ, không ảnh hưởng đến vợ con, Tết này anh P vẫn tiếp tục đá gà. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P bà yêu cầu Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Việc mâu thuẫn của chị T và anh P chính quyền địa phương không biết vì vợ chồng chị T và anh P không có xảy ra cự cãi lớn tiếng cũng như khi mâu thuẫn tự giải quyết, không nói chuyện với nhau, hoàn toàn không có báo chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu T; Về nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trịnh Phương V, sinh ngày 19/8/2014 và anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trịnh Thị Thu T không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trịnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian và có với nhau một con chung thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị T trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị tính tình không hợp nhau, không hòa thuận, anh P thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà và chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần, anh chị sống bỏ mặc nhau, tự ai nấy lo, không quan tâm nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P do không còn tình cảm. Anh P cũng thừa nhận anh có nhậu nhẹt, đá gà dẫn đến nợ nần nhưng anh xin chị T tha thứ và cho anh cơ hội sửa đổi để anh chị hàn gắn đoàn tụ. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, có thời gian sống hạnh phúc nhưng khi có mâu thuẫn xảy ra anh chị không tìm giải pháp hàn gắn mà sống bỏ mặc nhau. Anh P thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà, chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay

đổi. Anh P không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị T vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm. Mặt khác, tại buổi hòa giải ngày 18/01/2023, anh P có hứa thay đổi, không nhậu nhẹt, đá gà nhưng theo chị T trình bày thì anh P vẫn không thay đổi nên chị T đã đi Thành phố Hồ Chí Minh làm và điều này cũng được chính anh P thừa nhận tại phiên tòa. Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của anh P và chị T cũng xác định trong thời gian chung sống anh P và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay và nguyên nhân chính là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đá gà. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trịnh Phương V, sinh ngày 19/8/2014, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V, anh P cho rằng con có nguyện vọng sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 11/01/2023, cháu V trình bày có nguyện vọng sống với chị T sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu V, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Vì vậy, Tòa án giao cháu V cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi ly hôn là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu V là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[3] *Về chia tài sản:* Chị Trịnh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn P thống nhất trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Thu T.

Chị Trịnh Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trịnh Phương V, sinh ngày 19/8/2014 sau khi ly hôn và anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang